

Bản án số: 133/2019/HS-ST

Ngày 18 - 10 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Trịnh Văn Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Là Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/HSST-QĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, đối với các bị cáo:

1/ Trịnh Văn Q, sinh năm 1978 tại Hà Nam; nơi cư trú: thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn C, sinh năm 1947 và bà: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1947; vợ: Trần Thị P, sinh năm 1985; con: có 04 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2019 đến ngày 25/6/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Trịnh Văn H, sinh năm 1970 tại Hà Nam; nơi cư trú: thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Trọng K (đã chết) và bà: Vũ Thị R, sinh năm 1934; vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975; con: có 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2019 đến ngày 25/6/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

3/ Trịnh Văn M, sinh năm 1991 tại Hà Nam; nơi cư trú: thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:

Trịnh Văn T4, sinh năm 1962 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; vợ: Quyền Thị T5, sinh năm 1997; con: có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2019 đến ngày 25/6/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

4/ Đinh Văn T1, sinh năm 1996 tại Hà Nam; nơi cư trú: thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn H3, sinh năm 1963 và bà: Lý Thị N, sinh năm 1964; vợ: Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1998; con: có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2019 đến ngày 25/6/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

5/ Nguyễn Văn B, sinh năm 1996 tại Hà Nam; nơi cư trú: thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 và bà: Ngô Thị Đ, sinh năm 1964; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2019 đến ngày 25/6/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

6/ Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 tại Hà Nam; nơi cư trú: thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T6 (đã chết) và bà: Trịnh Thị N3 (đã chết); vợ: Phạm Thị H4, sinh năm 1967; con: có 04 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2019 đến ngày 25/6/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

7/ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 tại Hà Nam; nơi cư trú: thôn 2, xã ĐX, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Huy T7, sinh năm 1940 và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1942; vợ: Nguyễn Thị P2, sinh năm 1970; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2019 đến ngày 25/6/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

***Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1997. Vắng mặt.
- Ông Trịnh Duy T8, sinh năm 1958. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 16/6/2019, Nguyễn Văn B đang nằm nghỉ ở nhà thì có Nguyễn Văn H3, Đinh Văn T1, Trịnh Văn M ở cùng thôn đến chơi. Trong lúc nói chuyện, T1 rủ M và H3 ngồi chơi đánh bài vui dưới hình thức chơi “phỏm”. Sau đó, Trịnh Văn H, Trịnh Văn Q, Nguyễn Văn L, Trịnh Duy T8 ở cùng thôn đến chơi nên T1, M, H3 không chơi nữa. Lúc này, T1, M, Q, H, L

cùng rủ nhau chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “ba cây”. B nằm trên giường dậy thì thấy các đối tượng trên đang ngồi chơi đánh bạc ở nhà mình thì vẫn nằm trên giường xem rồi tham gia chơi cùng các đối tượng bằng cách đặt tiền chơi đánh bạc qua Trịnh Văn M. Khi các đối tượng đang chơi đánh bạc thì Nguyễn Văn T2 đến, cùng lúc này L đứng dậy không chơi nữa và trong người còn 220.000 đồng, B cũng không tham gia chơi đánh bạc nữa mà nằm trên giường xem nhưng vẫn để 140.000đ dưới sàn nhà. Khi đi T2 mang theo 600.000 đồng và ngồi xuống vị trí của L tham gia đánh bạc cùng với T1, M, H, Q.

Quá trình chơi đánh bạc, các bị cáo thống nhất quy luật chơi và tỷ lệ được thua như sau:

Các đối tượng sử dụng bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài, chọn ra 36 quân từ quân A đến quân 9, mỗi người ba quân bài. Người chơi cộng điểm ba quân bài của mình để tính điểm (điểm được tính từ 1 đến 10), nếu ai được điểm lớn nhất thì được cầm “chương”. Trong khi chơi, bài của ai được 10 điểm thì được cầm “chương”, người cầm chương không cố định vào một người cụ thể. Sau khi đã chọn được người cầm “chương” thì bắt đầu chơi, mỗi ván bài người cầm “chương” sẽ đưa bộ bài cho một người chơi bốc bài để xác định lá bài đầu tiên sẽ chia cho ai, người cầm “chương” chia lần lượt từng lá bài cho những người chơi cho đến khi mỗi người chơi được ba lá bài. Người chơi cộng điểm ba lá bài của mình và so với điểm của người cầm “chương”, người cầm “chương” được tính thắng thua với tất cả những người tham gia chơi, còn những người tham gia chơi chỉ được tính thắng thua với người cầm “chương”. Nếu bài của người cầm “chương” có điểm số lớn hơn bài của người chơi thì người cầm “chương” thắng và được số tiền của người chơi đã đặt cửa ván bài, và ngược lại nếu bài của người chơi có số điểm lớn hơn bài của người cầm “chương” thì người cầm “chương” thua và phải trả cho người chơi số tiền tương ứng với số tiền người đó đã đặt cửa. Ngoài ra, bài của ai có cả ba quân bài cùng là một cây (gọi là sấp) thì được gấp ba lần số tiền đặt cửa, nếu 10 điểm thì được gấp hai lần số tiền đặt cửa. Trong quá trình chơi thì những người chơi có thể chơi thêm bằng cách cùng bỏ ra một số tiền nhất định như nhau (tiền gà), ván đó ai cao điểm nhất thì sẽ được lấy số tiền gà đó. Các đối tượng thống nhất mỗi ván đặt cửa ít nhất 10.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi T1, M, H, Q, T2 đang chơi đánh bạc thì bị lực lượng Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang.

*** Tài sản, đồ vật thu giữ gồm:**

- Thu giữ trên nền nhà B chỗ các đối tượng đánh bạc: 01 bộ tú lơ khơ 52 cây bài có hoa văn màu xanh; số tiền 2.710.000đ; số tiền 200.000đ thu giữ tại phía trước mặt chỗ ngồi của Trịnh Văn M sử dụng để đánh bạc; số tiền 220.000đ thu giữ tại phía trước mặt chỗ ngồi của Đinh Văn T1 sử dụng để đánh bạc; số tiền 540.000đ thu giữ tại phía trước mặt chỗ ngồi của Trịnh Văn Q sử dụng để đánh bạc; số tiền 230.000đ thu giữ tại phía trước mặt chỗ ngồi của Trịnh Văn H sử dụng để đánh bạc;

- Thu của Trịnh Văn H: số tiền 1.800.000đ tại túi quần sau phía bên phải; 01 ví giả da màu đen bên trong có số tiền 36.000.000đ.

- Thu của Nguyễn Văn B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X6;

- Thu của Nguyễn Văn L: số tiền 220.000đ.

*** Quá trình điều tra xác định:**

- Tổng số tiền tại thời điểm các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn L đánh bạc là: 3.900.000đ + 1.800.000đ + 220.000đ – 600.000đ – 140.000đ = 5.180.000đ;

- Tổng số tiền tại thời điểm các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B đánh bạc là: 3.900.000đ + 1.800.000đ + 220.000đ - 600.000đ = 5.320.000đ

- Tổng số tiền tại thời điểm các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn T2 đánh bạc là: 3.900.000đ + 1.800.000đ - 140.000đ = 5.560.000đ.

Từ những nội dung trên, bản cáo trạng số: 127/CT-VKSTP ngày 30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo L, H, T2); Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 phạm tội “Đánh bạc”. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, phạt các bị cáo mỗi bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 cây bài.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 5.920.000đ.

Trả lại: Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X6; Trả lại Trịnh Văn H 01 ví giả da màu đen và số tiền 36.000.000đ.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và nhất trí với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã công bố tại

phiên tòa. Các bị cáo không tranh luận bào chữa gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tội danh: Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử thấy lời khai của các bị cáo cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang về thời gian, địa điểm, diễn biến vụ án, vật chứng thu giữ cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 19 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 16/6/2019, tại nhà ở của Nguyễn Văn B ở thôn 3, xã DX, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn T2 đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “ba cây”, thì bị lực lượng Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang. Ngoài các đối tượng trên còn có Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn B trước đó có tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “ba cây” cùng với các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H. Tổng số tiền các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn B sử dụng đánh bạc là 5.920.000 đồng (trong đó tổng số tiền tại thời điểm các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B đánh bạc là 5.320.000đ; tổng số tiền tại thời điểm các bị cáo Đinh Văn T1, Trịnh Văn M, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn T2 đánh bạc là 5.560.000đ).

Do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với các bị cáo như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Phủ Lý, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội. Hành vi này nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ kéo theo nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo bằng mức hình phạt nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng

ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét đến vai trò của từng bị cáo trong vụ án, để quyết định hình phạt cho phù hợp, khách quan, phản ánh đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc. Tuy nhiên, các bị cáo T1, M, Q, H tham gia liên tục từ khi khởi xướng đến khi bị bắt, bị cáo B là người trực tiếp tham gia đánh bạc và cho các bị cáo mượn nhà ở của mình làm địa điểm đánh bạc, nên các bị cáo T1, M, Q, H, B giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 tham gia đánh bạc nhưng ở mức độ nên giữ vai trò đồng phạm trong vụ án.

Khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để áp dụng hình phạt:

Về nhân thân: Các bị cáo là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn L có bố đẻ có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo Trịnh Văn H đều có bố mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến, có bố vợ là đảng viên và có thời gian tham gia quân đội; bị cáo Nguyễn Văn T2 có thời gian tham gia quân đội, có bố đẻ là bệnh binh; các bị cáo L, B ra đầu thú, nên các bị cáo Nguyễn Văn L, Trịnh Văn H, Nguyễn Văn T2 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

* Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Điều này thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu biết ăn năn hối cải.

- Về hình phạt bổ sung: Xét mục đích phạm tội của các bị cáo là đánh bạc để trục lợi bất chính về kinh tế nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo để áp dụng mức phạt cho phù hợp.

[4] Về các tình tiết khác: Đối với Nguyễn Văn H3, Trịnh Duy T8 không tham gia đánh bạc, không có hành vi giúp sức cho các bị cáo đánh bạc nên không xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn H3 và Trịnh Duy T8 là phù hợp pháp luật.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 cây bài là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 5.920.000đ (trong đó thu tại chỗ các bị cáo đánh bạc là 2.710.000 đồng, của Trịnh Văn M 200.000 đồng, của Đinh Văn T1 220.000 đồng, của Trịnh Văn Q 540.000 đồng, của Trịnh Văn H 2.030.000 đồng, của Nguyễn Văn L 220.000 đồng), đây là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X6 màu đen thu giữ của Nguyễn Văn B, 01 ví bằng chất liệu da màu đen và số tiền 36.000.000đ thu giữ của Trịnh Văn H. Các tài sản, đồ vật trên là tài sản hợp pháp của các bị cáo B, H không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho các bị cáo Nguyễn Văn B và Trịnh Văn H.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Điều 47; Điều 35 của Bộ luật Hình sự (đối với tất cả các bị cáo); khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (đối với L, H, T2).

Căn cứ các Điều 106; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Trịnh Văn M, Đinh Văn T1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 phạm tội “Đánh bạc”.

[3] Xử phạt:

- Trịnh Văn Q 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trịnh Văn M 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đinh Văn T1 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Văn B 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trịnh Văn H 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Văn T2 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã ĐX, T1 phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Trịnh Văn M, Đinh Văn T1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo 1.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 cây bài.
- Tịch thu và sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 5.920.000đ.
- Trả lại: Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X6 màu đen; Trịnh Văn H: 01 ví bằng chất liệu dạng da màu đen và số tiền 36.000.000 đồng.

(Các vật chứng nêu trên có tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý ngày 03/9/2019 và Ủy nhiệm chi số 57 lập ngày 05/9/2019).

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trịnh Văn Q, Trịnh Văn H, Trịnh Văn M, Đinh Văn T1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND T1 phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA T1 phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên

